

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS)

KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION

Head Office: Maritime Bank Tower, level 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ St, District 1, HCM city

Tel.: +84 83 914 8585. Fax: +84 83 821 6899

Số: 118.20/KIS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 15 tháng 10 năm 2020.

## CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của Quý 3/2020 so với Quý 3/2019)

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HOSE)  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, công ty chứng khoán phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là “công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của quý 3/2020 (kỳ báo cáo) so với quý 3/2019 như sau:

| Chỉ tiêu  | Quý năm này    | Quý năm trước  | Tăng (+) Giảm (-) | Tỷ lệ tăng giảm (%) |
|---|----------------|----------------|-------------------|---------------------|
| <b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>   | <b>0</b>       | <b>0</b>       |                   |                     |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)   | 64,817,337,649 | 7,514,341,626  | 57,302,996,023    | 763%                |
| a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL                                | 31,257,644,135 | 2,458,725,851  | 28,798,918,284    | 1171%               |
| b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL                     | 21,912,236,783 | 2,091,069,438  | 19,821,167,345    | 948%                |
| c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL              | 1,230,445,800  | 215,772,340    | 1,014,673,460     | 470%                |
| d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành | 10,417,010,931 | 2,748,773,997  | 7,668,236,934     | 279%                |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)           | 17,352,107,815 | 12,530,870,404 | 4,821,237,411     | 38%                 |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu                             | 67,420,702,053 | 58,691,758,410 | 8,728,943,643     | 15%                 |
| 1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro                   | 16,565,265,000 | 124,830,000    | 16,440,435,000    | 13170%              |
| 1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán                         | 41,852,338,307 | 27,767,089,067 | 14,085,249,240    | 51%                 |
| 1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán                           | 803,246,879    | 737,457,872    | 65,789,007        | 9%                  |
| 1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính                            | 5,654,545,455  |                | 5,654,545,455     |                     |
| 1.11. Thu nhập hoạt động khác   | 16,982,203     | 64,391,495     | (47,409,292)      | -74%                |



|   |                 |                 |                 |          |
|---|-----------------|-----------------|-----------------|----------|
| Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)   | 214,490,525,361 | 107,430,738,874 | 107,059,786,487 | 100%     |
| <b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>  |                 |                 |                 |          |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)   | 39,922,040,361  | 2,218,031,997   | 37,704,008,364  | 1700%    |
| a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL   | 16,046,594,444  | 347,928,928     | 15,698,665,516  | 4512%    |
| b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL  | 10,285,533,602  | 1,440,667,556   | 8,844,866,046   | 614%     |
| c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL  | 95,520,794      | 4,114,990       | 91,405,804      | 2221%    |
| d. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành   | 13,494,391,521  | 425,320,523     | 13,069,070,998  | 3073%    |
| 2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 14,218,813,974  | 14,029,654,011  | 189,159,963     | 1%       |
| 2.5. Lỗ từ các tài sản tài chính phát sinh phòng ngừa rủi ro  | 30,772,493,000  | 483,390,000     | 30,289,103,000  | 6266%    |
| 2.6. Chi phí hoạt động tự doanh   | 7,301,517,152   | 314,230,882     | 6,987,286,270   | 2224%    |
| 2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán   | 26,973,441,681  | 19,124,145,797  | 7,849,295,884   | 41%      |
| 2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán  | 972,366,477     | 747,596,762     | 224,769,715     | 30%      |
| 2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính  | 1,465,680,735   | 352,029,008     | 1,113,651,727   | 316%     |
| Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)   | 121,626,353,380 | 37,269,078,457  | 84,357,274,923  | 226%     |
| <b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>   |                 |                 |                 |          |
| 3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định   | 175,379,601     | 272,033,211     | (96,653,610)    | -36%     |
| 3.4. Doanh thu khác về đầu tư   | 5,062,889       | 5,037,302       | 25,587          | 1%       |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)   | 180,442,490     | 277,070,513     | (96,628,023)    | -35%     |
| <b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>  |                 |                 |                 |          |
| 4.2. Chi phí lãi vay  | 2,146,770,314   | 52,892,915      | 2,093,877,399   | 3959%    |
| Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->54)   | 2,146,770,314   | 52,892,915      | 2,093,877,399   | 3959%    |
| <b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>  |                 |                 |                 |          |
| <b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>  | 26,217,260,647  | 22,660,921,036  | 3,556,339,611   | 16%      |
| <b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 -60-61-62)</b>  | 64,680,583,510  | 47,724,916,979  | 16,955,666,531  | 36%      |
| <b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>  |                 |                 |                 |          |
| 8.1. Thu nhập khác  | 262,452         | 24,211,607      | (23,949,155)    | -99%     |
| 8.2. Chi phí khác   | 363,701,571     | 25,274          | 363,676,297     | 1438934% |
| Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)   | (363,439,119)   | 24,186,333      | (387,625,452)   | -1603%   |
| <b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)</b>   | 64,317,144,391  | 47,749,103,312  | 16,568,041,079  | 35%      |
| 9.1. Lợi nhuận đã thực hiện   | 55,767,821,800  | 44,775,247,956  | 10,992,573,844  | 25%      |
| 9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện   | 8,549,322,591   | 2,973,855,356   | 5,575,467,235   | 187%     |
| <b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>   | 12,863,428,879  | 9,549,820,662   | 3,313,608,217   | 35%      |
| 10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành   | 12,863,428,879  | 9,549,820,662   | 3,313,608,217   | 35%      |
| <b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>   | 51,453,715,512  | 38,199,282,650  | 13,254,432,862  | 35%      |

Trong quý 3/2020, Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 51.4 tỷ đồng, tăng 13,2 tỷ (35%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng doanh thu hoạt động. Doanh thu hoạt động sau khi trừ chi phí hoạt động tăng thêm 22.7 tỷ chủ yếu như sau :

- Lãi từ hoạt động tự doanh, lãi từ các tài sản tài chính FVTPL, sau khi trừ đi phần lỗ tài sản tài chính FVTPL và lỗ mua bán hợp đồng tương lai thì tăng thêm 5.7 tỷ.
  - Phí thu được từ nghiệp vụ môi giới sau khi trừ chi phí tương ứng thì tăng thêm 6,2 tỷ
- Phần còn lại doanh thu tăng là do tăng từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hoạt động cho vay margin. Đồng thời kỳ này doanh thu hoạt động tư vấn tăng 4,5 tỷ là do thu từ hoạt động tư vấn phát hành và giới thiệu nhà đầu tư mua trái phiếu.
- Bên cạnh doanh thu tăng thì Quý này chi phí tài chính cũng tăng do trích trước chi phí lãi trái phiếu do công ty phát hành (tăng 2 tỷ).

Trên đây là những nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch về kết quả kinh doanh quý 3/2020 so với cùng kỳ năm trước của Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam.

Công ty xin báo cáo Quý cơ quan được biết.

Trân trọng!

UO Tổng giám đốc  
Giám đốc khối  
  
Lee Hun Woo





